

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2017/HSST

Ngày: 26/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đức Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đình Tuấn

2. Bà Hoàng Thị Mơ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 - 26/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145/2017/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Vũ Phi H; sinh ngày 28 tháng 12 năm 1983. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15/191 đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện nay: Số 26A, đường Z tổ 10, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Vũ Mạnh T và bà Nguyễn Thị Minh P; vợ Lương Thị N; con: Có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/4/2017 đến ngày 09/6/2017 được nhận bảo lãnh, nay đang tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo gồm có: Ông Phạm Mạnh H và ông Vũ Đình L - Luật sư Công ty Luật TNHH T, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

- Người bị hại:

+ Hoàng Quốc B, sinh ngày 06/12/1977; trú tại: Số 02B/1 khối 3 đường P, phường V, thành phố L; vắng mặt.

+ Đinh Thị T, sinh năm 1963; trú tại: 14/12 đường B, tổ 2 khối 4 phường Đ, thành phố L; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Hoàng Văn X; sinh năm 1962.

+ Hoàng Duy K, sinh năm 1990;

Đều trú tại: Số 14/12 đường B, tổ 2 khối 4 phường Đ, thành phố L, vắng mặt.

+ Lương Thị N, sinh năm 1987;

Trú tại: Số 26A, đường Z tổ 10, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Vũ Phi H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội trong thời gian từ 2014 đến 2016 như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 9/2014, anh Hoàng Quốc B công nhân điện lực Lạng Sơn, do biết bên chồng chị N là Vũ Phi H có ông chú làm Phó tổng giám đốc Công ty lưới điện cao thế Miền bắc nên khi gặp chị Lương Thị N từ Thái Nguyên về Lạng Sơn chơi đã xin số điện thoại của Vũ Phi H để gọi điện nhờ Vũ Phi H xin chuyển công tác về Công ty lưới điện cao thế Miền bắc, chi nhánh Thái Nguyên. H nhận lời và hẹn anh B tại địa chỉ 303 đường Q, thành phố T để nói chuyện cụ thể. Tháng 10/2014 anh B sang nhà gặp Vũ Phi H để trao đổi việc chuyển công tác thì H nói "Phải chi phí mất 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và sau hai tháng rưỡi đến ba tháng sẽ có quyết định chuyển công tác". Anh B đồng ý và khoảng một tuần sau, anh B đến nhà và đưa cho H 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và một bộ hồ sơ xin việc. Sau đó H giục anh B thu xếp nốt 100.000.000 (một trăm triệu) đồng còn lại để tiện khi quan hệ. Khoảng một tháng sau, do chưa thu xếp đủ tiền theo yêu cầu của H như ban đầu nên anh B sang nhà đưa tiếp cho H 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Khi nhận tiền, H có nói "cần giấy biên nhận không". Do tin tưởng nên anh B nói "không cần". Quá thời hạn nói trên H vẫn chưa xin chuyển công tác được nên anh B đã nhiều lần điện thoại thì được H trả lời chưa xong thủ tục. Từ đó trở đi sau nhiều lần tìm gặp không được và liên lạc qua số điện thoại nhưng H vẫn không có quyết định chuyển công tác.

Lần thứ hai: Khoảng đầu tháng 4/2016, chị Đinh Thị T do quen biết với chị Lương Thị N và Vũ Phi H, được chị N cho biết bên nhà chồng có ông chú đang làm Phó tổng giám đốc Công ty lưới điện cao thế Miền bắc. Sau đó bà T điện thoại đặt vấn đề với Vũ Phi H nhờ xin việc cho con là Hoàng Duy K vào làm tại Công ty lưới điện cao thế Miền bắc chi nhánh Lạng Sơn, H nhận lời và ra giá 250 triệu đồng, gia đình bà T đồng ý. Ngày 25/4/2016, Vũ Phi H đến nhà bà T và được bà T giao 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và một bộ hồ sơ xin việc của Hoàng Duy K. Khi nhận tiền, H có viết một giấy biên nhận dưới hình thức vay tiền vợ chồng bà T hẹn đến ngày 25/10/2016 sẽ hoàn trả, đồng thời hẹn đến tháng 10/2016 nếu không xin được việc cho cháu K thì sẽ hoàn trả số tiền trên. Khoảng tháng 7/2016, Vũ Phi H điện thoại cho bà T nói hồ sơ của K đang hoàn tất và yêu cầu gia đình đưa thêm 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Ngày 05/7/2016 ông Hoàng Văn X (chồng bà T) đã chuyển cho Vũ Phi H số tiền trên. Tuy nhiên đã quá thời hạn theo thỏa thuận, không thấy Vũ Phi H xin được việc cho con, vợ chồng bà T nhiều lần liên lạc thì Vũ Phi H trả lời chưa xin được và lấy lý do phải đợi một thời gian. Sau nhiều lần gọi điện

nhưng không liên lạc được, bà T đã làm đơn tố cáo về hành vi lừa đảo của Vũ Phi H.

Tại bản Cáo trạng số 145/KSĐT ngày 28/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, truy tố Vũ Phi H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Phi H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, o; p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn tính từ ngày xét xử. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn, chưa có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định và không có tài sản.

Việc bồi thường dân sự: Xác nhận gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại Hoàng Quốc B và Đinh Thị T đầy đủ.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Trong bài bào chữa cho bị cáo, các Luật sư cho rằng về tội danh, tại bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên về số tiền 250 triệu đồng của bị hại Đinh Thị T, bị cáo không có ý thức chiếm đoạt thể hiện trên giấy biên nhận tiền lập ngày 25/4/2016; bị cáo chỉ phạm tội lừa đảo về số tiền đã chiếm đoạt 120 triệu của anh B và 20 triệu của bị hại Đinh Thị T (do ông Hoàng Văn X) chuyển vào tài khoản của bị cáo, tổng cộng là 140 triệu đồng. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; mặt khác người bị hại có hành vi trái pháp luật khi đưa tiền cho bị cáo để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, ngoài ra các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ và miễn hình phạt cho bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, đ; p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Trong lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đối với các bị hại, tuy nhiên do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, vì vậy bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa,

XÉT THẤY:

Mặc dù không có chức năng, thẩm quyền quyết định việc chuyển, điều động và tuyển dụng việc làm. Bị cáo Vũ Phi H đã tạo dựng niềm tin cho các bị hại Hoàng Quốc B và Đinh Thị T về việc bị cáo có người thân đang giữ chức vụ tại Tổng Công ty lưới điện Miền Bắc xin chuyển ngành và tuyển dụng việc làm để chiếm đoạt của anh Hoàng Quốc B 120 triệu đồng và bà Đinh Thị T 270 triệu đồng. Tổng cộng là 390.000.000 (ba trăm chín mươi triệu) đồng. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố Vũ Phi H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước trong việc tuyển dụng và luân chuyển cán bộ trong thời điểm hiện nay. Do vậy, cần phải có hình phạt nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa những người đang có tư tưởng tương tự.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo là công nhân điện lực, tuổi đời còn trẻ, bị cáo có đủ nhận thức để điều khiển hành vi và biết việc nhận tiền của người khác để "lo lót, chạy việc" là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và các bị hại đều có đơn xin miễn, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài hành vi phạm tội đối với bị hại Đinh Thị T theo đơn tố cáo, bị cáo còn tự thú về hành vi nhận 120 triệu đồng của bị hại Hoàng Quốc B để chuyển công tác cho anh B từ năm 2014. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, được xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và các Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 và Điều 60 của Bộ luật hình sự để xử bị cáo 36 tháng tù và cho hưởng án treo là có căn cứ được chấp nhận. Bởi lẽ bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, nơi công tác; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã viện dẫn ở trên. Trong đó tình tiết giảm nhẹ đáng kể là khi bị cơ quan điều tra bắt, dù hoàn cảnh kinh tế đang trong lúc khó khăn, con còn nhỏ và phải thuê nhà để ở, nhưng bị cáo đã chủ động, động viên vợ và người thân trong gia đình vay mượn tiền để bồi hoàn toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, thể hiện sự ăn năn, hối cải để chuộc lại lỗi lầm đã gây ra.

Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, cũng không ảnh hưởng lớn đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà

để cho bị cáo cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và sự giúp đỡ của gia đình cũng đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, thể hiện chính sách xử lý hình sự của Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Ngày 24/4/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra thẩm tra xác minh xác định bị cáo không có tài sản và thu nhập không ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Việc bồi thường dân sự: Tại phiên tòa các bị hại Hoàng Quốc B và Đinh Thị T vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt). Tuy nhiên đã nhận lại số tiền bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lương Thị N vợ bị cáo H vắng mặt (có đơn vắng mặt). Tuy nhiên theo lời khai của anh B và bà T có trong hồ sơ đều thể hiện thông qua chị N giới thiệu Vũ Phi H có ông chú đang làm Phó tổng giám đốc Công ty lưới điện cao thế Miền Bắc. Từ đó anh B và bà T mới đặt vấn đề với Vũ Phi H và giao tiền theo yêu cầu của bị cáo và chính bị cáo Vũ Phi H là người trực tiếp nhận tiền, hướng dẫn làm và nhận hồ sơ từ các bị hại. Mặt khác, những lần bị cáo Vũ Phi H nhận tiền và dùng số tiền chiếm đoạt vào mục đích gì thì chị N không trực tiếp tham gia. Cơ quan điều tra không khởi tố Lương Thị N với vai trò đồng phạm trong vụ án này là có căn cứ.

Đối với người đàn ông tên "T": Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Phi H vẫn cho rằng sau khi nhận 120 triệu đồng của anh Hoàng Quốc B và 270 triệu của bà Đinh Thị T, bị cáo đã đưa cho người bạn tên "T" nhà ở phố Q, quận H, Hà Nội cùng học tại Nhạc viện Hà Nội từ 2001 nhưng không biết họ và địa chỉ để nhờ T xin chuyển công tác cho anh B và xin việc cho cháu K nhưng không có căn cứ chứng minh. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Phi H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b; o; p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Phi H 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/9/2017). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Phi H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

3. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSNDTP Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn;
- CCTHADS TP Lạng Sơn;
- Bị cáo; người bị hại;
- UBND phường Tân Lập;
- Lưu Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Đức Hải